

Bản án số: **112/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 07/6/2019

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đạt

2. Bà Nguyễn Thị Bạch Vân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Xuân Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang:
Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh P – sinh năm 1977, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố L, thị trấn K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà Cao Thị K – sinh năm 1982, có mặt.

HKTT: ấp C, xã K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

Chỗ ở hiện nay: khu phố N, thị trấn K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ông Nguyễn Thanh P trình bày: Ông và bà K sống chung từ năm 1997, nhưng từ đó cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Do cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên quyết định chia tay năm 2009 và hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay cả hai bên đều đã

có cuộc sống gia đình riêng của mình, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Cao Thị K.

Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Thanh Q – sinh ngày 14/12/1998 và Nguyễn Kim C – sinh ngày 21/3/2000, hiện nay các con đã trưởng thành và đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo lời khai của bà Cao Thị K trình bày: Bà và ông P tự tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997. Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và tới năm 2009 thì bà không thể chịu nổi nên đã bỏ về nhà cha mẹ để cho đến nay. Quá trình chung sống không có làm thủ tục đăng ký kết hôn. Nay anh P yêu cầu xin ly hôn thì bà cũng đồng ý.

Về con chung; Tài sản chung và Nợ chung: Thống nhất với lời trình bày của ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh P và bà Cao Thị K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa ông P và bà K đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định :”1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý....”.

Vì vậy, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nay ông P yêu cầu ly hôn thì bà K cũng đồng ý, nên HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Thanh P và bà Cao Thị K.

[2] Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Thanh Q – sinh ngày 14/12/1998 và Nguyễn Kim C – sinh ngày 21/3/2000, hiện nay các con đã trưởng thành và đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên xác nhận là không có.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), do ông P yêu cầu ly hôn nên phải nộp và được khấu trừ vào tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 9, 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 Bộ luật Tố Tụng Dân Sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Thanh P và bà Cao Thị K.

- Về quan hệ con chung: Hiện nay các con đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông P phải nộp và được khấu trừ vào tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0004370 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (đã nộp xong).

3. Báo cho ông P, bà K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/6/2019).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi hành án DS huyện Kiên Lương;
- Những người TGGT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu HS, tập án;
- Lưu VP.

Nguyễn Thị Tuyết Minh